



Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

PHÒNG THÍ NGHIỆM VINACONTROL VINH
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL VINH
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL

Laboratory:

VINACONTROL VINH LABORATORY
VINACONTROL GROUP CORPORATION VINH BRANCH
VINACONTROL GROUP CORPORATION

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 14 Mai Hắc Đế, Phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn
has been assessed and found to conform with the requirements of standard

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

HÓA

Chemical

Mã số

Accreditation No

VILAS 196

GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



TRẦN THỊ THU HÀ

Kèm theo Quyết định công nhận số/ Accompanied with Decision no: 1092/QĐ-VPCNCL ngày/ dated 29/05/2024

Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày/ This certificate is valid from: 29/05/2024 đến/ to 23/02/2029

Ngày được công nhận lần đầu/ Initial accreditation date: 22/11/2005





BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

Số: 1092 /QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG NHẬN PHÒNG THÍ NGHIỆM

**GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG**

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKH-CN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

**PHÒNG THÍ NGHIỆM VINACONTROL VINH
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL VINH
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL**

phù hợp theo các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017 với phạm vi công nhận như được đề cập trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm mang số hiệu: **VILAS 196**

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Phòng thí nghiệm Vinacontrol Vinh cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Phòng thí nghiệm Vinacontrol Vinh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 05 năm 2024 đến ngày 23 tháng 02 năm 2029 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 6: Quyết định này thay thế Quyết định số: 536.2021/QĐ-VPCNCL ngày 27 tháng 09 năm 2021 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



TRẦN THỊ THU HÀ



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

*(Kèm theo quyết định số: 1092 / QĐ - VPCNCL ngày 29 tháng 05 năm 2024
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng)*

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Vinacontrol Vinh**
Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol Vinh

Laboratory: **Vinacontrol Vinh Laboratory**
Vinacontrol Group Corporation Vinh branch

Cơ quan chủ quản: **Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol**

Organization: **Vinacontrol Group Corporation**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of testing: **Chemical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Trương Việt Lâm**

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 196**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **từ ngày 29 / 05 /2024 đến ngày 23/02/2029**

Địa chỉ/ *Address:* **54 Trần Nhân Tông, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.**

Địa điểm 1 /*Location 1:* **Số 14 Mai Hắc Đế, Phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An**

Địa điểm 2 /*Location 2:* **Phường Hải Thượng, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa**

Điện thoại/ *Tel:* **0903.459.990**

E-mail: **ptn196vncvinh@gmail.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 196****Phòng thí nghiệm Vinacontrol Vinh - Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol Vinh***Vinacontrol Vinh Laboratory - Vinacontrol Group corporation Vinh branch*Địa điểm 1/ *Location 1*: **Số 14 Mai Hắc Đế, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Đá vôi, vôi sống, vôi hydrat, dolomit, bột đá canxi cacbonat <i>Limestone, quicklime, hydrated lime, dolomite, calcium carbonate powder</i>	Xác định hàm lượng CaO Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of CaO content Titration method</i>	(40 ~ 55) %	TCVN 9191:2012
2.		Xác định hàm lượng MgO Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of MgO content Titration method</i>	(0,5 ~ 2,5) %	TCVN 9191:2012
3.		Xác định độ trắng <i>Determination of whiteness</i>	(80 ~ 98) %	TCCS 01-DT:2014
4.		Xác định thành phần cỡ hạt bằng máy laser <i>Determination of particle size by laser machine</i>		TCCS 02-CH:2014
5.		Xác định thành phần cỡ hạt Phương pháp sàng <i>Determination of particle size Sieving method</i>		TCCS 03-CH:2014
6.	Quặng Sắt <i>Iron ore</i>	Xác định tổng hàm lượng Fe Phương pháp chuẩn độ sau khi khử bằng thiếc (II) clorua <i>Determination of total Fe content Titrimetric method after tin (II) chloride reduction</i>	(40 ~ 66) %	TCVN 4653-1:2009
7.	Quặng Mangan <i>Manganese ore</i>	Xác định tổng hàm lượng Mn Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Mn content Titration method</i>	(15 ~ 19) %	TCCS 91:2014/VNC
8.	Quặng Ilmenite <i>Ilmenite ore</i>	Xác định hàm lượng TiO ₂ Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of TiO₂ content Titration method</i>	(40 ~ 58) %	TCVN 8911:2012

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 196

Phòng thí nghiệm Vinacontrol Vinh - Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol Vinh

Vinacontrol Vinh Laboratory - Vinacontrol Group corporation Vinh branch

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Quặng Zircon <i>Zirconium ore</i>	Xác định hàm lượng ZrO ₂ Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of ZrO₂ content Titration method</i>	(40 ~ 55) %	TCCS 90:2014/VNC
10.	Than, cốc, nhiên liệu khoáng rắn <i>Coal, coke, solid mineral fuels</i>	Xác định hàm lượng ẩm toàn phần Phương pháp B2 <i>Determination of total moisture B2 method</i>	(6 ~ 13) %	TCVN 172:2019
11.		Xác định độ ẩm trong mẫu phân tích chung <i>Determination of moisture in general analysis test sample</i>	(0,5 ~ 2,5) %	TCVN 4919:2007
12.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp trọng lượng <i>Determination of ash content Gravimetric method</i>		TCVN 173:2011
13.		Xác định hàm lượng chất bốc Phương pháp trọng lượng <i>Determination of volatile content Gravimetric method</i>	(6,0 ~ 20) %	TCVN 174:2011
14.		Xác định giá trị tỏa nhiệt toàn phần Phương pháp bom nhiệt lượng <i>Determination of gross calorific value Bomb calorimetric method</i>		TCVN 200:2011
15.		Xác định hàm lượng lưu huỳnh tổng Phương pháp Eschka <i>Determination of total sulfur content Eschka method</i>	(0,2 ~ 1,0) %	TCVN 175:2015
16.		Xác định hàm lượng Cacbon cố định Phương pháp trọng lượng <i>Determination of fixed Carbon content Gravimetric method</i>		TCVN 9813:2013
17.		Xác định thành phần cỡ hạt Phương pháp sàng <i>Determination of particle size Sieving method</i>		TCVN 251:2018

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 196

Phòng thí nghiệm Vinacontrol Vinh - Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol Vinh

Vinacontrol Vinh Laboratory - Vinacontrol Group corporation Vinh branch

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
18.	Cát, cốt liệu cho bê tông và vữa Sand, aggregates for concrete and mortar	Xác định độ ẩm <i>Determination of moisture</i>	(8,0 ~ 15) %	TCVN 9187:2012
19.		Xác định hàm lượng clorua <i>Determination of chloride content</i>	(0,3 ~ 1,0) %	TCVN 7572-15:2006
20.		Xác định hàm lượng SiO ₂ <i>Determination of SiO₂ content</i>	(95 ~ 98) %	TCVN 9183:2012
21.		Xác định hàm lượng Fe ₂ O ₃ <i>Determination of Fe₂O₃ content</i>	(0,3 ~ 0,8) %	TCVN 9184:2012
22.		Xác định hàm lượng Al ₂ O ₃ <i>Determination of Al₂O₃ content</i>	(0,1 ~ 0,4) %	TCVN 9185:2012
23.		Xác định hàm lượng TiO ₂ <i>Determination of TiO₂ content</i>	(1,0 ~ 3,0) %	TCVN 9186:2012
24.	Dăm gỗ Wood chips	Xác định độ ẩm <i>Determination of moisture</i>	(42 ~ 62) %	SCAN-CM 39:94
25.		Xác định cỡ dăm <i>Determination of size</i>		SCAN-CM 40:01
26.	Thạch cao và sản phẩm thạch cao Gypsum and gypsum products	Xác định hàm lượng SO ₃ <i>Determination of SO₃ content</i>	(39 ~ 45) %	TCVN 8654:2011
27.		Xác định hàm lượng nước liên kết <i>Determination of combined water content</i>	(16 ~ 22) %	ASTM C471M-20ae1
28.		Xác định hàm lượng nước tự do <i>Determination of free water content</i>	(1,5 ~ 2,5) %	ASTM C471M-20ae1

Chú thích/ Note:

TCCS...: Phương pháp do phòng thí nghiệm tự xây dựng/ *Laboratory developed method*

SCAN-CM: Scandinavian Pulp, Paper and Board testing Committee

ASTM: American Society for Testing and Materials

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 196****Phòng thí nghiệm Vinacontrol Vinh - Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol Vinh***Vinacontrol Vinh Laboratory - Vinacontrol Group corporation Vinh branch*Địa điểm 2/ *Location 2*: **Phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Than, cốc, nhiên liệu khoáng rắn <i>Coal, coke, solid mineral fuels</i>	Xác định hàm lượng ẩm toàn phần Phương pháp B2 <i>Determination of total moisture B2 method</i>	(6 ~ 13) %	TCVN 172:2019
2.		Xác định độ ẩm trong mẫu phân tích chung <i>Determination of moisture in general analysis test sample</i>	(0,5 ~ 2,5) %	TCVN 4919:2007
3.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp trọng lượng <i>Determination of ash content Gravimetric method</i>		TCVN 173:2011
4.		Xác định hàm lượng chất bốc Phương pháp trọng lượng <i>Determination of volatile content Gravimetric method</i>	(6,0 ~ 20) %	TCVN 174:2011
5.		Xác định giá trị tỏa nhiệt toàn phần Phương pháp bom nhiệt lượng <i>Determination of gross calorific value Bomb calorimetric method</i>		TCVN 200:2011
6.		Xác định hàm lượng lưu huỳnh tổng Phương pháp Eschka <i>Determination of total sulfur content Eschka method</i>	(0,2 ~ 1,0) %	TCVN 175:2015
7.		Xác định hàm lượng Cacbon cố định Phương pháp trọng lượng <i>Determination of fixed Carbon content Gravimetric method</i>		TCVN 9813:2013
8.		Xác định thành phần cỡ hạt Phương pháp sàng <i>Determination of particle size Sieving method</i>		TCVN 251:2018

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 196****Phòng thí nghiệm Vinacontrol Vinh - Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol Vinh***Vinacontrol Vinh Laboratory - Vinacontrol Group corporation Vinh branch*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Dăm gỗ <i>Wood chips</i>	Xác định độ ẩm <i>Determination of moisture</i>	(42 ~ 62) %	SCAN-CM 39:94
10.		Xác định cỡ dăm <i>Determination of size</i>		SCAN-CM 40:01
11.	Thạch cao và sản phẩm thạch cao <i>Gypsum and gypsum products</i>	Xác định hàm lượng SO ₃ <i>Determination of SO₃ content</i>	(39 ~ 45) %	TCVN 8654:2011 ASTM C471M-20ae1
12.		Xác định hàm lượng nước liên kết <i>Determination of combined water content</i>	(16 ~ 22) %	
13.		Xác định hàm lượng nước tự do <i>Determination of free water content</i>	(1,5 ~ 2,5) %	ASTM C471M-20ae1

Chú thích/ Note:

SCAN-CM: Scandinavian Pulp, Paper and Board testing Committee

ASTM: American Society for Testing and Materials

Trường hợp Phòng thí nghiệm Vinacontrol Vinh cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Phòng thí nghiệm Vinacontrol Vinh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Vinacontrol Vinh Laboratory branch that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*